

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Circuit breaker, GoPact MCCB 400, 4 poles, 36kA at 415VAC, 400A rating, TMD trip unit, adjustable thermal protection

G40F4A400

! Ngừng sản xuất

! Ngừng sản xuất vào: 4 thg 5, 2024

Main

| | |
|--|--|
| Range Of Product | GoPact MCCB |
| Product Or Component Type | Circuit breaker |
| Product Name | GoPact MCCB 400 |
| Device Application | Distribution |
| Poles Description | 4P |
| Protected Poles Description | 4D |
| Neutral Position | Left |
| [In] Rated Current | 400 A at 40 °C |
| [Ue] Rated Operational Voltage | 415 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 |
| Suitability For Isolation | Yes conforming to EN/IEC 60947-2 |
| Utilisation Category | Category A |
| [Icu] Rated Ultimate Short-Circuit Breaking Capacity | 36 kA Icu at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 45 kA Icu at 220/230 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 |
| Performance Level | F 36 kA 380/415 V AC |
| Trip Unit Name | TM-D |
| Trip Unit Technology | Thermal-magnetic |
| Trip Unit Protection Functions | LI |
| Control Type | Toggle |
| Circuit Breaker Mounting Mode | Fixed |

Complementary

| | |
|---|--|
| [Uj] Rated Insulation Voltage | 440 V AC conforming to EN/IEC 60947-2 |
| [Uimp] Rated Impulse Withstand Voltage | 8 kV conforming to EN/IEC 60947-2 |
| [Ics] Rated Service Short-Circuit Breaking Capacity | 36 kA at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 45 kA at 220/230 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 |
| Mechanical Durability | 15000 cycles |
| Electrical Durability | 5000 cycles at 415 V In |
| Power Dissipation Per Pole | 40 W |
| Mounting Support | Backplate |
| Mounting Position | Horizontal and vertical Flat on the back |

| | |
|---|--|
| Upside Connection | Front |
| Downside Connection | Front |
| Connection Terminals | screw terminals |
| Connection Pitch | 40 mm |
| Protection Type | L : for overload protection (thermal) I : for short-circuit protection (magnetic) |
| Trip Unit Rating | 400 A at 40 °C |
| Long-Time Pick-Up Adjustment Type Ir (Thermal Protection) | Adjustable |
| [Ir] Long-Time Protection Pick-Up Adjustment Range | 0.7...1 x In |
| Long-Time Protection Delay Adjustment Type Tr | Fixed |
| Instantaneous Protection Pick-Up Adjustment Type Ii | Fixed |
| [Ii] Instantaneous Protection Pick-Up Adjustment Range | 12 x In |
| Neutral Protection Settings | 1 x Ir (4D) |
| Width (W) | 160 mm |
| Height (H) | 205 mm |
| Depth (D) | 105 mm |
| Net Weight | 4.5 kg |
| Colour | Grey (RAL 7035) |

Environment

| | |
|---------------------------------------|--|
| Standards | EN/IEC 60947-1 EN/IEC 60947-2 EN/IEC 60947-2 Annex H |
| Overvoltage Category | III |
| Pollution Degree | 3 conforming to IEC 60664-1 |
| Ip Degree Of Protection | IP20 conforming to IEC 60529 |
| Ambient Air Temperature For Operation | -20...55 °C |
| Ambient Air Temperature For Storage | -35...85 °C |
| Operating Altitude | 0...2000 m without derating 2000...5000 m with derating |

Packing Units

| | |
|------------------------------|---------|
| Unit Type Of Package 1 | PCE |
| Number Of Units In Package 1 | 1 |
| Package 1 Height | 16 cm |
| Package 1 Width | 19 cm |
| Package 1 Length | 24.5 cm |
| Package 1 Weight | 6300 g |
| Unit Type Of Package 2 | S03 |
| Number Of Units In Package 2 | 2 |
| Package 2 Height | 30 cm |
| Package 2 Width | 30 cm |

| | |
|-------------------------------------|------------|
| Package 2 Length | 40 cm |
| Package 2 Weight | 13.041 kg |
| Unit Type Of Package 3 | P06 |
| Number Of Units In Package 3 | 24 |
| Package 3 Height | 105 cm |
| Package 3 Width | 60 cm |
| Package 3 Length | 80 cm |
| Package 3 Weight | 164.992 kg |

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhân sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

Hiệu suất sức khỏe

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Pvc Free

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Compliant with Exemptions

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Circularity Profile

[End of Life Information](#)